

TRƯỜNG THPT LINH TRUNG

NHÓM: LỊCH SỬ

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HK II - NĂM HỌC 2024 – 2025

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 11

PHẦN 1: TỰ LUẬN

Câu 1: Nội dung cải cách Vua Lê Thánh Tông thế kỷ XV.

a. Chính trị và hành chính

- Bỏ chức tể tướng, đại thần, quý tộc không được phép lập phủ đệ và quân đội riêng.
- Tuyển chọn quan lại thông qua thi cử, đặt các chức quan ở các đơn vị hành chính.
- Đứng đầu nhà nước là vua, giúp việc cho vua có 6 bộ. Ngoài ra có 6 tự và 6 khoa để hỗ trợ và giám sát 6 bộ.
- Cả nước chia 12 đạo, tuyên. Đứng đầu là các Tuyên phủ sứ. Hệ thống cơ quan chuyên trách gồm: Thừa ty (dân sự), Đô ty (quân sự), Hiến ty (tư pháp).
- Thăng Long thuộc một đơn vị hành chính đặc biệt gọi là phủ Phụng Thiên.
- Năm 1490, bản đồ Đại Việt được hoàn thành (Hồng Đức bản đồ sách).

b. Quân sự

- Chia làm 2 loại quân: quân thường trực (cấm binh) và quân các đạo (ngoại binh).
- Cho đặt quân lệnh để thường xuyên tập trận và đặt các kì thi võ để tuyển chọn tướng sĩ.

c. Kinh tế

- Năm 1477, ban hành chính sách lộc điền và quân điền.
- Định lại thuế khóa.
- Khuyến khích nông nghiệp, đặt chức Hà đê quan và Khuyến nông quan, Đồn điền quan.

d. Luật pháp

- Năm 1483, ban hành bộ Quốc Triều hình luật (Luật Hồng Đức) quy định những vấn đề về hình sự, dân sự, đất đai, hôn nhân gia đình, tổ tụng.

e. Văn hóa - giáo dục

- Nho giáo được đặt làm hệ tư tưởng chính thống.
- Chú trọng giáo dục, khoa cử.
- Trùng tu, mở rộng Quốc Tử Giám, mở rộng hệ thống trường học đến tận cấp huyện, định phép thi Hương, Hội quy cũ.
- Năm 1484, dựng bia tiến sĩ.

Câu 2: Tầm quan trọng của Biển Đông

a. Tuyến đường giao thông biển huyết mạch

- Là cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, các tuyến hàng hải quốc tế huyết mạch khu vực Đông Nam Á có hơn 350 cảng biển.
- Tuyến vận tải quốc tế qua biển đông nhộn nhịp thứ hai thế giới (sau địa trung hải).

b. Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương

- Là nơi tập trung các mô hình chính trị, kinh tế xã hội và văn hóa đa dạng của thế giới. Do đó, biển đông được nhiều nước quan tâm và ảnh hưởng của các nước lớn.
- Nhiều nước và vùng lãnh thổ khu vực châu Á - Thái Bình Dương có nền kinh tế phụ thuộc vào tuyến đường trên Biển Đông (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po...).

c. Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển

- Có nguồn đa dạng sinh học cao (khoảng 11.000 loài sinh vật cư trú), trong đó 6.000 loài động vật đáy, 2.038 loài cá và nhiều loài san hô cứng.
- Là 1 trong 5 bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới, hầu hết các nước trong khu vực đều có khai thác dầu khí.
- Còn chứa đựng lượng lớn tài nguyên đóng băng (băng cháy), là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai.

PHẦN 2: TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Cuộc cải cách hành chính lớn nhất dưới triều Nguyễn được tiến hành bởi vua

- | | |
|---------------------|----------------------|
| A. Gia Long. | B. Minh Mạng. |
| C. Tự Đức. | D. Hàm Nghi. |

Câu 2. Để khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất triều đình nhà Nguyễn, vua Minh Mạng đã

- | | |
|----------------------------------|------------------------------------|
| A. thành lập Cơ mật viện. | B. tiến hành cuộc cải cách. |
| C. cải tổ Văn thư phòng. | D. cải tổ Quốc tử giám. |

Câu 3. Trọng tâm cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| A. kinh tế. | B. chính trị. |
| C. hành chính. | D. quân sự. |

Câu 4. Ở địa phương, trong công cuộc cải cách hành chính, vua Minh Mạng đã chia cả nước thành

- | | |
|---|--|
| A. 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên. | B. Bắc Thành, Gia Định thành và trực doanh. |
| C. từ phủ Thừa Thiên ra Bắc thành 18 tỉnh. | D. từ phủ Thừa Thiên vào Nam thành 12 tỉnh. |

Câu 5. Trong cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX), cơ quan nào sau đây có chức năng như một cơ quan hành chính trung ương?

- A. Nội các.
- B. Quốc tử giám.
- C. Hàm lâm viện.
- D. Đô sát viện.

Câu 6. Để bảo vệ chế độ phong kiến, vua Minh Mạng chủ trương độc tôn

- A. Nho giáo
- B. Phật giáo
- C. Thiên chúa giáo
- D. Đạo giáo

Câu 7: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Chế độ quân chủ chuyên chế đang trong thời kì thịnh trị.
- B. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh
- C. Bộ máy chính quyền nhà nước chưa hoàn thiện, đồng bộ
- D. Đất nước đứng trước nguy cơ xâm lược từ nhà Thanh

Câu 8. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) nhằm mục đích

- A. hoàn thành cơ bản thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- B. tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.
- C. xóa bỏ tình trạng cát cứ của các thế lực phong kiến.
- D. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

Câu 9. Sau khi lên ngôi, vua Minh Mạng đã đổi tên nước thành

- A. Đại Việt
- B. Đại Ngu
- C. Đại Cồ Việt
- D. Đại Nam

Câu 10. Về kinh tế, năm 1836, vua Minh Mạng đã thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Giảm tô, giảm thuế.
- B. Ban hành tiền giấy.
- C. Tiến hành tăng gia sản xuất
- D. Khôi phục ruộng đất công.

Câu 11. Nội dung cải cách bộ máy nhà nước trong cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu XIX để lại một trong những bài học kinh nghiệm là

- A. nguyên tắc hoạt động của bộ máy nhà nước.
- B. coi trọng việc xét xử và giải quyết kiện tụng.
- C. Chế độ giám sát được chú trọng tiên quyết.
- D. Bài học về cải cách giáo dục, khoa cử.

Câu 12. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. xóa bỏ tình trạng “bể quan tỏa cảng” của đất nước.
- B. xóa bỏ tình trạng cát cứ của các thế lực phong kiến.
- C. làm cơ sở cho sự phân chia tỉnh, huyện hiện nay.
- D. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 13. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Nâng cao vai trò quản lí của chính quyền ở trung ương.
- B. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.
- C. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.
- D. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại.

Câu 14. Một trong những di sản lớn nhất trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) còn giá trị đến ngày nay là

- A. cách thức tổ chức bộ máy nhà nước ở trung ương.
- B. cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- C. chú trọng phát triển kinh tế theo hướng hiện đại.
- D. ưu tiên bổ nhiệm quan lại là người ở địa phương.

Câu 15. Dưới thời vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thi hành biện pháp quân sự nào sau đây?

- A. Triển khai cải cách hành chính địa phương trên quy mô cả nước.
- B. Quy định lại chính sách thuế với thuyền buôn nước ngoài đến buôn bán.
- C. Tiến hành độc tôn Nho giáo, hạn chế Phật giáo và cấm đạo Thiên Chúa giáo.
- D. Quân đội được tổ chức theo mô hình và phiên chế của phương Tây.

Câu 16. Một trong những nội dung cải cách kinh tế của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. cải cách thuế đinh và tô ruộng.
- B. quy định lại chính sách thuế với thuyền buôn nước ngoài.
- C. quy định thể lệ thuế khóa theo hạng.
- D. cho phép thương nhân nước ngoài được tự do buôn bán.

Câu 17. Thời vua Minh Mạng, ở địa phương, hệ thống hành chính phân cấp theo mô hình từ trên xuống theo thứ tự là

- A. Tỉnh, phủ, huyện, châu, xã và tổng.
- B. Tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng và xã.
- C. Tỉnh, huyện, phủ, châu, tổng và xã.

D. Tỉnh, huyện, châu, xã, tổng và phủ.

Câu 18: Một trong những đặc điểm cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

A. mang tính cưỡng bức, nặng về mô phỏng bên ngoài

B. chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực chính trị, hành chính.

C. ảnh hưởng trực tiếp đến khối đại đoàn kết dân tộc

D. không tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế đất nước

Câu 19. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm **khác biệt** nào sau đây?

A. Thành lập lục Bộ để giúp việc cho nhà vua.

B. Tăng cường quyền lực tuyệt đối của nhà vua.

C. Củng cố chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền.

D. Chia cả nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.

Câu 20: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm giống nhau trong cải cách của Hồ Quý Ly (thế kỉ XV) và vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

A. Được tiến hành khi đất nước đang lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.

B. Cải cách nhằm tăng cường quyền lực của vua và hiệu quả của bộ máy nhà nước

C. Cải cách nhằm hướng đến cải thiện dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội đất nước

D. Cải cách nặng về mô phỏng, dập khuôn bên ngoài mà ít có sự sáng tạo, cải biến

Câu 21. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của quốc gia nào sau đây?

A. Nam Phi.

B. Đan Mạch.

C. Việt Nam.

D. Thụy Điển.

Câu 22. Khu vực Biển Đông có diện tích khoảng 3,5 triệu km² thuộc vùng biển

A. Thái Bình Dương.

B. Ấn Độ Dương.

C. Đại Tây Dương.

D. Bắc Băng Dương.

Câu 23. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương về lĩnh vực nào sau đây?

A. Văn hóa - Thể thao.

B. Giáo dục - Y tế.

C. Quốc phòng - an ninh.

D. Văn hóa - giáo dục.

Câu 24. Các cảng biển lớn trên Biển Đông có vai trò như thế nào?

A. Điểm trung chuyển của tàu thuyền.

B. Nơi giao lưu kinh tế, văn hóa.

C. Điểm tập trung phát triển du lịch.

D. Nơi giải quyết các vấn đề xã hội.

Câu 25. Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam ngoài có vị trí chiến lược về kinh tế, còn có vị trí chiến lược về

A. văn hóa - xã hội.

B. giao thông vận tải.

C. quốc phòng - an ninh.

D. khoa học - kỹ thuật.

Câu 26. Căn cứ vào điều kiện nào để quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có thể kiểm soát, đảm bảo an ninh các tuyến đường giao thông trên biển?

A. Vị trí trung tâm của biển Đông.

B. Giàu tài nguyên khoáng sản biển.

C. Có nhiều hải sản quý, giá trị cao.

D. Có trữ lượng lớn sinh vật biển.

Câu 27. Với vị trí trung tâm của biển Đông, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có vai trò gì đối với giao thông trên biển?

A. Giúp cư dân các nước trong khu vực thoải mái đi lại và giao lưu kinh tế.

B. Kiểm soát, đảm bảo an ninh các tuyến đường giao thông trên biển Đông.

C. Giúp cư dân trong khu vực khai thác các nguồn năng lượng mới.

D. Góp phần thúc đẩy kinh tế du lịch biển ngày càng phát triển.

Câu 28. Yếu tố nào **không** tạo nên vị thế chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên biển Đông?

A. Vị trí án ngữ đường hàng hải quốc tế.

B. Nhiều hải sản quý, giá trị kinh tế cao.

C. Kiểm soát đường hàng hải trên biển Đông.

D. Trung Quốc luôn có âm mưu chiếm giữ trái phép.

Câu 29. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng, an ninh đối với nhiều quốc gia ven biển vì lí do nào sau đây?

A. Nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế quan trọng, kết nối các châu lục.

B. Đây là con đường duy nhất kết nối trực tiếp vùng biển châu Âu với biển Ả rập.

C. Biển Đông là tuyến vận tải biển quan trọng bậc nhất nối châu Á và châu Âu.

D. Biển Đông là tuyến vận tải đường biển ngắn nhất từ châu Âu sang châu Á.

Câu 30. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam?

A. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông chỉ thuận lợi để đầu tư và phát triển du lịch.

B. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có lợi thế và tiềm năng to lớn về tài nguyên biển.

C. Vùng biển rộng lớn với nhiều đảo là không gian trọng yếu để phát triển văn hóa.

D. Biển đảo là nguồn cung cấp lương thực chủ yếu cho cuộc sống của nhân dân Việt Nam.

PHẦN 3: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau nắm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. Cấm binh coi giữ ba ty để làm vuốt nanh, tim óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc.... Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương.... Tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau...”

(Lời dụ của Lê Thánh Tông, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.453).

- a. Lời dụ trên thể hiện nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, cụ thể là tổ chức bộ máy chính quyền
- b. Các cơ quan trung ương được nhắc đến trong lời dụ gồm: sáu bộ, sáu khoa, sáu tự, thừa ty
- c. Tổng binh là một trong những chức vụ quan lại được nhắc đến trong lời dụ của vua Lê Thánh Tông
- d. Theo lời dụ của Lê Thánh Tông, tất cả các cơ quan, chức quan cần làm việc một cách minh bạch, dân chủ, độc lập, tránh ràng buộc nhau

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nội các là một cơ yếu, phải đặc cách chọn lấy những bề tôi châu hầu tùy tùng ở bên nhà vua khiến cho ra vào gần gũi đề phòng khi cần hỏi han. Những người sung vào chức đó thì lấy ở hàng quan Tam, Tứ phẩm trong các bộ, các viện, còn các thuộc viên thì lấy những người có chức hàm trong Viện hàn lâm sung vào, các bậc thì ở dưới Lục bộ. Phàm những sắc, chiếu, sớ tấu, sách vở, ghi chép, hoặc xem xét giấy tờ, đều thuộc tòa Nội các cả; những viên chức đó đều tùy theo công việc nặng nhẹ, nhiều ít, chức lượng mà chia ra từng tào để cho có chuyên trách”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004)

- a. Nội các là một trong những cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương nhà Nguyễn từ thời vua Minh Mạng.
- b. Toàn bộ các thành viên của Nội các đều lấy từ các chức quan ở trong Lục bộ
- c. Theo lời dụ của Minh Mạng, một trong những nhiệm vụ của Nội các là giúp vua khởi thảo sắc, chiếu, sớ tấu...

d. Nội các chịu trách nhiệm trực tiếp trước nhà vua, đồng thời chịu sự giám sát của Lục bộ và các cơ quan chuyên môn khác.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 9 năm 1832, Minh Mạng lập ra Đô sát viện. Nhiệm vụ của Đô sát viện là giám sát hoạt động của các quan chức trong hệ thống cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương. Đây là một cơ quan hoạt động độc lập, không chịu sự kiểm soát của bất kì một cơ quan nào ở triều đình ngoài nhà vua. Các quan chức của Đô sát viện có nhiệm vụ phối hợp với các Giám sát ngự sử 16 đạo để hoạt động kiểm soát và kiểm tra công việc của bộ máy quan lại ở địa phương”

(Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, *Một số chuyên đề lịch sử cổ trung đại Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, 2009, tr.104)

- a. Đô sát viện là một cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương được vua Minh Mạng thành lập thế kỉ XVIII
- b. Đô sát viện là cơ quan chỉ chịu sự kiểm soát và giám sát duy nhất của nhà vua
- c. Đô sát viện có nhiệm vụ giám sát các cơ quan, quan lại các cấp từ trung ương đến địa phương
- d. Trong việc kiểm tra, giám sát công việc của bộ máy quan lại ở địa phương, Đô sát viện hoạt động độc lập với các Giám sát ngự sử 16 đạo.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân Việt Nam”

(Nghị quyết số 36 – NQ/TW ngày 22 - 10 – 2018 về *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*)

- a. Nghị quyết số 36 – NQ/TW ngày 22 - 10 – 2018 của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra nhiều bằng chứng khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.
- b. Quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam hiện nay có sự gắn bó mật thiết với Biển Đông.

- c. Trách nhiệm phát triển bền vững kinh tế biển không liên quan đến những người dân sống trong khu vực đất liền.
- d. Nhiệm vụ phát triển kinh tế biển với đảm bảo an ninh quốc phòng luôn có sự gắn bó mật thiết, không tách rời nhau.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông là nơi cư trú của 12 nghìn loài sinh vật, trong đó có khoảng 2040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú... Trong khu vực này, tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn.

Khu vực thềm lục địa của biển Đông có tiềm năng dầu khí cao như bồn trũng Bru – này, Nam Côn sơn, Hoàng Sa,...”

(Nguyễn Văn Âu, *Địa lí tự nhiên Biển Đông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr.33, 71 – 72)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú ở Biển Đông.
- b. Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông rất phong phú đa dạng, nhưng chỉ có động vật mà không có thực vật.
- c. Dầu khí là một trong những nguồn tài nguyên khoáng sản đặc biệt quan trọng ở Biển Đông.
- d. Nguồn dầu khí ở Biển Đông chỉ có thể được khai thác ở 3 địa điểm: bồn trũng Bru – này, Nam Côn sơn, Hoàng Sa.